

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NC₃
V/v hướng dẫn tổ chức,
đánh giá công nhận cấp xã đạt chuẩn
tiếp cận pháp luật

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường

Thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg, xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Văn bản số .../STP-PC&PBGDPL ngày /01/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn một số nội dung như sau:

1. Thời gian lấy số liệu đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/10 của năm đánh giá.

2. Thời gian tổ chức đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

- Việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện hằng năm.

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Sở Tư pháp: trước ngày 20/11 năm đánh giá và theo hướng dẫn cụ thể của Sở Tư pháp.

3. Hình thức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo khoản 4 Điều 6 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg về Sở Tư pháp qua Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Trong đó, các tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật thể hiện bằng mã QR trên văn bản đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc hình thức ứng dụng công nghệ thông tin khác theo hướng dẫn của Sở Tư pháp.

- Sở Tư pháp tổ chức thẩm định theo hình thức phù hợp tình hình thực tiễn, đảm bảo chất lượng và thời hạn theo quy định.

4. Tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật: Hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Văn bản này.

5. Giao Sở Tư pháp chủ trì triển khai, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện văn bản này; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong

đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nghiêm túc và hiệu quả nhiệm vụ xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg, Thông tư số 15/2025/TT-BTP, hướng dẫn tại văn bản này và các văn bản có liên quan của Sở Tư pháp.

Đề nghị các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện, bảo đảm các nội dung theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục PBGDPL&TGPL - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành

Phụ lục
TÀI LIỆU CHỨNG MINH MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ,
CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Kèm theo Văn bản số /UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đạt 03/03 chỉ tiêu	
Chỉ tiêu 1	<i>Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái với quy định pháp luật/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân</i>	100%	- Danh mục văn bản giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã quy định chi tiết; Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho chính quyền cấp xã (nếu có). - Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá. - Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã

	<i>cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100</i>		ban hành trong năm đánh giá (<i>bản PDF có đóng dấu đỏ</i>). - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).
Chỉ tiêu 2	<i>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100</i>	100%	- Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá. - Tài liệu chứng minh có nội dung và hình thức truyền thông theo Điều 3 Nghị định 78/2025/NĐ-CP đối với từng dự thảo: + Trường hợp đăng trên cổng/trang thông tin điện tử: trích dẫn đường link. + Trường hợp truyền thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở: lịch phát được người có thẩm quyền phê duyệt; nội dung phát; + Trường hợp tổ chức các hội nghị, tọa đàm để trao đổi, thông tin về dự thảo chính sách tới các cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp: Giấy mời, Chương trình, tin bài, hình ảnh về hội nghị/tọa đàm,...

			+ Trường hợp thực hiện truyền thông bằng hình thức khác thì có tài liệu, văn bản chứng minh.
Chỉ tiêu 3	<i>Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ Nghị\ quyết\ của\ Hội\ đồng\ nhân\ dân,\ Quyết\ định\ của\ Ủy\ ban\ nhân\ dân\ cấp\ xã\ được\ thực\ hiện\ tự\ kiểm\ tra\ theo\ quy\ định/Tổng\ số\ Nghị\ quyết\ của\ Hội\ đồng\ nhân\ dân,\ Quyết\ định\ của\ Ủy\ ban\ nhân\ dân\ cấp\ xã\ phải\ thực\ hiện\ tự\ kiểm\ tra\ theo\ quy\ định\ trong\ năm\ đánh\ giá) \times 100$	100%	- Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá. - Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản. - Đối với văn bản trái pháp luật hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP còn có: + Văn bản xử lý văn bản trái pháp luật. + Tài liệu khác có liên quan (nếu có).
Tiêu chí 2	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt 07/07 chỉ tiêu	
Chỉ tiêu 1	<i>Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Thực hiện lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	Có Danh mục thông tin theo quy định của pháp luật và cập nhật thường xuyên	Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.
	2. Đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin	Đăng tải Danh mục thông tin (cấp xã có	- Đường link trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử;

		Cổng/Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (cấp xã chưa có Cổng/Trang thông tin điện tử) hoặc hình thức phù hợp khác	- Hình ảnh chụp các bảng niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc hình thức phù hợp khác.
Chỉ tiêu 2	<i>Thực hiện công khai văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện công khai theo quy định trong năm đánh giá) x 100</i>	100%	- Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá. - Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá (<i>bản PDF có đóng dấu đỏ</i>). - Tài liệu chứng minh số lượng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá được công khai theo quy định: Đường link trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử/ lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt/nhật ký truyền thanh/hình ảnh

			chụp việc niêm yết công khai các văn bản (rõ nội dung văn bản nào)...
Chỉ tiêu 3	<i>Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ thông\ tin\ đã\ cung\ cấp\ đúng\ thời\ hạn,\ chính\ xác,\ đầy\ đủ,\ đúng\ hình\ thức\ theo\ quy\ định\ pháp\ luật / Tổng\ số\ thông\ tin\ có\ yêu\ cầu\ đủ\ điều\ kiện\ cung\ cấp\ trong\ năm\ đánh\ giá) \times 100$ (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. - Tài liệu chứng minh việc cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện: Bản PDF văn bản trả lời của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã/hình ảnh trả lời qua thư điện tử.... - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).
Chỉ tiêu 4	<i>Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	Kế hoạch được ban hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm đã được Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

		tỉnh hoặc trong 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn	
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i> (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)	100%	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật. - Các văn bản, tài liệu triển khai các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch: Giấy mời tổ chức tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật, các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật được cấp phát (văn bản pháp luật, tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp), các tin, bài, lịch phát sóng truyền thanh cấp xã, đường link về nội dung liên quan trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử/giấy mời và hình ảnh các hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có).
Chỉ tiêu 5	<i>Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	

	Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động về chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật sau đây: - Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; - Ứng dụng công nghệ số trong tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và có sự kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang thông tin điện tử); - Sử dụng mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến khác để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật (ít nhất một trong các hình thức sau: Zalo OA, Facebook Fanpage, Youtube...); - Xây dựng, số hoá các tài liệu, sản phẩm truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật như video clip hoặc podcast hoặc audio...; - Xây dựng chatbox giải đáp pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tin nhắn điện thoại; - Hoạt động về chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với thực tiễn.	≥ 02 hoạt động	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có nội dung về chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác này; - <i>Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến:</i> + Kế hoạch hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã về tổ chức cuộc thi; + Quyết định công nhận giải; Hình ảnh trao giải cuộc thi. - <i>Ứng dụng công nghệ số trong tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:</i> + Kế hoạch tổ chức tập huấn có ứng dụng công nghệ số (tập huấn trực tuyến/ kết hợp trực tiếp - trực tuyến); + Giấy mời hoặc Thông báo tham dự tập huấn trực tuyến; + Ảnh chụp màn hình buổi tập huấn. - <i>Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và có sự kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang thông tin điện tử):</i>
--	--	-----------------------	---

			+ Đường link các văn bản quy phạm pháp luật, các tin, bài PBGDPL đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cấp xã; + Minh chứng kết nối (banner, đường dẫn) tới Cổng Pháp luật Quốc gia; - <i>Sử dụng mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến khác để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật:</i> + Đường link Zalo/Facebook Fanpage/Youtube; + Ảnh chụp màn hình các bài viết, video PBGDPL...; - <i>Xây dựng, số hoá các tài liệu, sản phẩm truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật như tờ gấp điện tử, video clip hoặc podcast hoặc audio...: File video/podcast/audio hoặc đường link đăng tải tài liệu trên Cổng/Trang thông tin điện tử;</i> - <i>Xây dựng chatbox giải đáp pháp luật:</i> Đường link chatbox - <i>Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tin nhắn điện thoại:</i> + Kế hoạch hoặc văn bản triển khai gửi tin nhắn PBGDPL (nếu có); + Nội dung mẫu tin nhắn; + Hợp đồng/thỏa thuận với đơn vị cung cấp dịch vụ (nếu có).
--	--	--	---

			+ Hình ảnh một số tin nhắn PBGDPL đã gửi qua điện thoại. - Hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với thực tiễn: + Văn bản mô tả hoạt động; + Tài liệu, hình ảnh, đường link minh chứng.
Chỉ tiêu 6	<i>Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	Đạt 03/03 nội dung	
	1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã	Bảo đảm theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn hướng dẫn thi hành	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có nội dung về bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã. - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền bố trí công chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại xã. - Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Danh mục cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật như máy chiếu, tivi, loa truyền

			thanh, máy tính, bảng tin pháp luật... và ảnh chụp thực tế kèm theo.
2. Tỷ lệ nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã ban hành được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện/Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong Kế hoạch) x 100</i>	100%	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm đã được Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành; - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có nội dung phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt. - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật. - Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.	
3. Tỷ lệ tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	≥ 90%	- Kế hoạch tổ chức tập huấn, giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn. - Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn. - Danh sách tuyên truyền viên pháp luật; - Danh sách tuyên truyền viên pháp luật xác nhận tham dự tập huấn.	

			- Hình ảnh Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng cho tuyên truyền viên.
Chỉ tiêu 7	Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý	Đạt 03/03 nội dung	
	1. Ban hành kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý	Kế hoạch được ban hành riêng hoặc được lồng ghép trong các kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã	Kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý .
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm $\text{Tỷ lệ \%} = (\text{Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế} / \text{Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong kế hoạch}) \times 100$ (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)	100%	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý. - Các văn bản, tài liệu triển khai các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch: Giấy mời tập huấn, các tài liệu được cấp phát (văn bản pháp luật, tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp), các tin, bài, lịch phát sóng truyền thanh cấp xã, đường link về nội dung liên quan trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử (nếu có)... - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có).
	3. Xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và được cập nhật đầy đủ, kịp thời (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang Thông tin điện tử)	Có chuyên mục chính sách, pháp luật và được cập nhật đầy đủ, kịp thời	Đường link chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cấp xã trong đó có tin, bài được cập nhật.

Tiêu chí 3	Hoà giải ở cơ sở	Đạt 04/04 chỉ tiêu	
Chỉ tiêu 1	<i>Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Tỷ lệ tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn đáp ứng yêu cầu về số lượng, thành phần theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hoà giải phải thành lập, kiện toàn trên địa bàn cấp xã) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu thành lập, kiện toàn tổ hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	- Danh sách thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã. - Danh sách Tổ hòa giải được thành lập hoặc kiện toàn trong năm đánh giá. - Quyết định về việc thành lập, kiện toàn tổ hòa giải.
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số hoà giải viên phải thực hiện bầu, công nhận, cho thôi trên địa bàn cấp xã) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu kiện toàn, công nhận, cho thôi hòa giải viên được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	- Danh sách Tổ hòa giải được thành lập hoặc kiện toàn trong năm đánh giá. - <i>Hồ sơ chứng minh bầu, công nhận hòa giải viên đối với mỗi tổ hòa giải được thành lập hoặc kiện toàn:</i> + Danh sách Tổ bầu hòa giải viên. + Danh sách những người dự kiến bầu làm hòa giải viên. + Biên bản về kết quả biểu quyết đối với trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai; Biên bản kiểm phiếu và quy chế bỏ phiếu đối với trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín; phiếu lấy ý kiến và

			biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu lấy ý kiến. + Danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên do Trưởng ban công tác Mặt trận lập. + Quyết định thành lập hoặc kiện toàn tổ hòa giải. - Đối với trường hợp thôi làm hòa giải viên: + Đề nghị của tổ trưởng Tổ hòa giải về việc thôi làm hòa giải viên. + Văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên + Quyết định kiện toàn tổ hòa giải (không còn tên của hòa giải viên xin thôi trong danh sách).
Chỉ tiêu 2	<i>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Tỷ lệ các vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở	100%	- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở (<i>Việc ghi chép các thông tin trong Sổ thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 889/QĐ-BTP ngày 21/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</i>).

	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã tiếp nhận trên địa bàn cấp xã) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)		- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở theo biểu mẫu thống kê của ngành Tư pháp. - Báo cáo của Tổ trưởng Tổ hòa giải về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải.
	2. Tỷ lệ các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	$\geq 85\%$	- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở (<i>Việc ghi chép các thông tin trong Sổ thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 889/QĐ-BTP ngày 21/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</i>). - Văn bản hòa giải thành đối với mỗi vụ việc được hòa giải thành; - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở theo biểu mẫu thống kê của ngành Tư pháp.
Chỉ tiêu 3	<i>Có sự phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở sau đây: - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ sau đây tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở: Luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã	$\geq 80\%$	- Danh sách các Tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã. - Tài liệu chứng minh thực hiện các hoạt động cụ thể: - <i>Hoạt động 1:</i> Quyết định thành lập, kiện toàn tổ hòa giải trong đó có danh sách hòa giải viên của tổ hòa giải; giấy tờ chứng minh một hoặc một số thành viên tổ hòa giải là Luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân dân,

	hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật. (Hoạt động 1) - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hoà giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở (Hoạt động 2) - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên (Hoạt động 3) - Các hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hoà giải ở cơ sở / Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100</i>		lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật. - <i>Hoạt động 2:</i> Giấy mời hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã/Tổ hòa giải; Biên bản sinh hoạt của Tổ hòa giải thể hiện việc huy động một trong các đội ngũ nêu trên hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hoà giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở. - <i>Hoạt động 3:</i> Kế hoạch, Giấy mời và hình ảnh tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên trong đó có một trong các đội ngũ trên tham gia làm báo cáo viên. - Các tài liệu chứng minh các hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở (nếu có).
Chỉ tiêu 4	<i>Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác hòa giải ở cơ sở theo của quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 04/04 nội dung</i>	
	1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức làm công tác hoà giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã	Có văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở;	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền bố trí công chức làm công tác hòa giải ở cơ sở.

		cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm triển khai công tác hoà giải ở cơ sở	- Danh mục cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hòa giải ở cơ sở như máy chiếu, tivi, loa truyền thanh, máy tính, bảng tin pháp luật... và ảnh chụp thực tế kèm theo.
2. Tỷ lệ hoà giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ hoà\ giải\ viên\ ở\ cơ\ sở\ được\ cung\ cấp\ tài\ liệu,\ tập\ huấn,\ bồi\ dưỡng / Tổng\ số\ hoà\ giải\ viên\ trên\ địa\ bàn\ cấp\ xã) \times 100$	$\geq 90\%$	- Kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn, bồi dưỡng; - Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng; - Danh sách hòa giải viên của cấp xã; - Danh sách hòa giải viên xác nhận tham dự tập huấn, bồi dưỡng hoặc được cung cấp tài liệu.	
3. Tỷ lệ tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí hoạt động đúng mức chi theo quy định $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ tổ\ hòa\ giải\ được\ hỗ\ trợ\ kinh\ phí\ đúng\ mức\ chi\ theo\ quy\ định / Tổng\ số\ tổ\ hòa\ giải\ trên\ địa\ bàn\ cấp\ xã) \times 100$	100%	- Danh sách các Tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã. - Giấy đề nghị thanh toán; Phiếu chi kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ hòa giải; danh sách tổ hòa giải ký xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo mức quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;	
4. Tỷ lệ vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ vụ,\ việc\ đã\ hoà\ giải\ được\ hỗ\ trợ\ thù\ lao\ cho\ hoà\ giải\ viên\ đúng\ mức\ chi\ theo\ quy\ định / Tổng\ số\ vụ,\ việc\ hoà\ giải\ đã\ giải\ quyết) \times 100$	100%	- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Giấy đề nghị thanh toán; Phiếu chi hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên và danh sách hòa giải viên ký xác nhận được hỗ trợ thù lao theo mức quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.	